# [CÓ ĐÁP ÁN] – 223 Nhận định môn Pháp luật đại cương

## 1. Phần những vấn đề chung về Nhà nước và Pháp luật

### Nhận định 1.01

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mac – Lênin, Nhà nước là hiện tượng xã hội có tính vĩnh cửu, bất biến.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Nhà nước không phải là hiện tượng xã hội có tính vĩnh cửu, bất biến. Bởi vì, nếu các điều kiện hình thành Nhà nước mất đi thì nhà nước sẽ mất đi.

### Nhận định 1.02

Theo chủ nghĩa Mac – Lênin, nguyên nhân hình thành nhà nước là do ba lần phân công lao động trong xã hội công xã nguyên thủy.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Tư hữu và phân chia giai cấp.

### Nhận định 1.03

Khi lí giải nguồn gốc ra đời của Nhà nước, các học thuyết đều dựa trên việc phân tích tiền đề kinh tế, tiền đề xã hội cho sự ra đời của nhà nước.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Học thuyết về thần quyền, học thuyết gia trưởng, học thuyết khế ước xã hội không đề cập đến tiền đề kinh tế, xã hội.

### Nhận định 1.04

Nhà nước xã hội chủ nghĩa tôn trọng tối đa quyền làm chủ của nhân dân nên không mang bản chất giai cấp.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Bất cứ nhà nước nào cũng mang tính giai cấp. Nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất giai cấp công nhân.

### Nhận định 1.05

Tùy vào các nhà nước khác nhau mà bản chất nhà nước có thể là bản chất giai cấp hay xã hội.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Bản chất nhà nước gồm tính gia cấp và tính xã hội.

### Nhận định 1.06

Chức năng lập pháp của nhà nước là hoạt động xây dựng pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Tổ chức thực thi pháp luật do cơ quan hành pháp (Chính phủ và UBND các chấp) chịu trách nhiệm thực hiện.

### Nhận định 1.07

Trong chính thể Cộng hòa tổng thống, Tổng thống do nhân dân trực tiếp bầu ra, là nguyên thủ quốc gia còn Thủ tướng là người đứng đầu Chính phủ.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Chỉ có trong chính thể Cộng hòa lưỡng tính thì Tổng thống do nhân dân trực tiếp bầu ra, là nguyên thủ quốc gia còn Thủ tướng là người đứng đầu Chính phủ.

### Nhận định 1.08

Tại các quốc gia theo hình thức chính thể Cộng hòa dân chủ đại nghị, cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội, Nghị viện) và nguyên thủ quốc gia (Tổng thống, Chủ tịch nước) do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Nguyên thủ quốc gia do cơ quan quyền lực nhà nước (Nghị viện/Quốc hội) bầu ra.

### Nhận định 1.09

Tại các nhà nước theo chế độ quân chủ, quyền lực nhà nước tập trung hoàn toàn trong tay người đứng đầu nhà nước đó.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Trong nhà ước theo chế độ quân chủ hạn chế (quân chủ đại nghị), quyền lực nhà nước tập trung vào trong tay Nghị viện/Quốc hội.

### Nhận định 1.10

Các quốc gia theo hình thức chính thể quân chủ thì chế độ chính trị là phản dân chủ.

Nhận định Sai.

Bởi vì: các quốc gia theo hình thức chính thể quân chủ hạn chế vẫn có chế độ chính trị dân chủ (Thái Lan, Nhật Bản, Anh).

### Nhận định 1.11

Tại các quốc gia theo hình thức chính thể cộng hòa, mọi người dân đều có quyền tham gia bầu cử ra cơ quan quyền lực nhà nước.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Người đủ tuổi bầu cử mới có quyền tham gia bầu cử.

### Nhận định 1.12

Tại các quốc gia theo hình thức cấu trúc nhà nước liên bang, mặc dù có hai hệ thống cơ quan nhà nước nhưng chỉ có một hệ thống pháp luật áp dụng chung cho toàn liên bang.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Có 02 hệ thống pháp luật áp dụng là: Hệ thống pháp luật liên bang và hệ thống pháp luật mỗi bang.

### Nhận định 1.13

Tại Việt Nam, mọi công dân đều có quyền bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Người từ đủ 18 tuổi mới có quyền bầu cử.

### Nhận định 1.14

Ở nước ta, người từ đủ 18 tuổi trở lên có thể ứng cử làm Đại biểu Quốc hội.

Nhận định Sai.

Bởi vì: người từ đủ 21 tuổi trở lên mới có thể ứng cử làm Đại biểu Quốc hội.

### Nhận định 1.15

Ở nước ta, tất cả mọi người từ đủ 18 tuổi trở lên có quyền đi bầu cử đại biểu Quốc hội.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Những người bị tước một số quyền công dân không có quyền đi bầu cử.

### Nhận định 1.16

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là các cơ quan nhà nước.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức chính trị, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị xã hội.

### Nhận định 1.17

Ở nước ta, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của người dân cả nước, nắm trong tay quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất nhưng chỉ nắm quyền lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao… Còn quyền hành pháp thuộc về Chính phủ, quyền tư pháp thuộc về Tòa án nhân dân.

### Nhận định 1.18

Ở nước ta, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của người dân cả nước.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Chỉ có Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Còn Hội đồng nhân dân là cơ quan Quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của người dân địa phương

### Nhận định 1.19

Quốc hội là cơ quan hành chính cao nhất của nước ta.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất.

### Nhận định 1.20

Ở nước ta, Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân cả nước.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước

### Nhận định 1.21

Ở nước ta, người đứng đầu Chính phủ là người có quyền lực nhà nước cao nhất.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

### Nhận định 1.22

Ở nước ta, Chủ tịch Quốc hội là người có quyền lực nhà nước cao nhất.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

### Nhận định 1.23

Ở nước ta, Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất.

Nhận định Đúng.

Bởi vì: Theo Điều 94, Hiến pháp 2013 thì “Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.”

### Nhận định 1.24

Ở nước ta, các thành viên Chính phủ do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Không phải mọi thành viên Chính phủ do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Ví dụ: Phó thủ tướng do Quốc hội phê chuẩn, Chủ tịch nước bổ nhiệm.

### Nhận định 1.25

Ở nước ta, Chủ tịch nước phải là đại biểu Quốc hội.

Nhận định Đúng.

Điều 87 Hiến pháp 2013 quy định: Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chủ tịch nước tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu ra Chủ tịch nước. Do đó, bắt buộc Chủ tịch nước phải là đại biểu Quốc hội.

### Nhận định 1.26

Ở nước ta, các thành viên Chính phủ đều phải là đại biểu Quốc hội.

Nhận định Sai.

Bởi vì: phó thủ tướng, bộ trưởng không cần phải là đại biểu Quốc hội

### Nhận định 1.27

### Ở nước ta, Chủ tịch nước là người có quyền lực nhà nước cao nhất.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

### Nhận định 1.28

Ở nước ta, Thủ tướng Chính phủ do Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễm nhiệm, bãi nhiệm.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Thủ tướng do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm

### Nhận định 1.29

Ở nước ta, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được Chủ tịch nước bổ nhiệm.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao là do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

### Nhận định 1.30

Theo quy định của Hiến pháp 2013, trong cơ cấu tổ chức của Chính phủ thì chỉ duy nhất Thủ tướng chính phủ mới được là đại biểu Quốc hội.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Các phó thủ tướng cũng có thể là đại biểu Quốc hội.

### Nhận định 1.31

Ở nước ta, Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng thực hành quyền công tố.

Nhận định Đúng.

Điều 107, hiến pháp 2013 quy định: “Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp”. Ngoài Viện kiểm sát, không có cơ quan khác giữ chức năng thực hành quyền công tố tại Tòa án.

### Nhận định 1.32

Ở nước ta, Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng thực hành quyền công tố và xét xử các vụ án hình sự.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng thực hành quyền công tố nhưng không có chức năng xét xử. Chức năng xét xử thuộc Tòa án nhân dân.

### Nhận định 1.33

Ở nước ta, Tòa án nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng xét xử.

Nhận định Đúng.

Căn cứ theo Điều 102, Hiến pháp 2013 quy định chức năng của Tòa án thì: “Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp”.

### Nhận định 1.34

Ở nước ta, Tòa án nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng xét xử và thi hành bản án, quyết định do mình ban hành.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Theo Điều 102, Hiến pháp 2013 quy định “Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp”. Đối với việc thi hành án hình sự thì có Cơ quan thi hành án hình sự (trại giam,…) thi hành,… còn thi hành án dân sự thì có Cơ quan thi hành án dân sự (Chi cục, cục thi hành án dân sự) thi hành.

### Nhận định 1.35

Ở nước ta, Hội đồng nhân dân do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Nhận định Đúng.

Bởi vì Hội đồng nhân dân là Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương nên mang đầy đủ các đặc điểm của cơ quan quyền lực nhà nước. Theo đó, các đại biểu của Hội đồng nhân dân đều do nhân dân bầu ra.

### Nhận định 1.36

Ở nước ta, Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.

### Nhận định 1.37

Ở nước ta, Ủy ban nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Uỷ ban nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương

### Nhận định 1.38

Ở nước ta, Ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan có quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng nảy sinh tại địa phương cấp đó.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Thẩm quyền này thuộc về Hội đồng nhân dân.

### Nhận định 1.39

Nguồn gốc ra đời của pháp luật và nhà nước là giống nhau.

Nhận định Đúng.

Nguồn gốc ra đời của pháp luật và nhà nước đều là tư hữu và giai cấp. Pháp luật là công cụ mà nhà nước tạo ra để bảo vệ nhà nước.

### Nhận định 1.40

Pháp luật và nhà nước ra đời cùng một thời điểm.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Nhà nước hình thành trước, pháp luật là công cụ điều chỉnh xã hội của nhà nước.

### Nhận định 1.41

Pháp luật chỉ ra đời khi xã hội có sự tư hữu, phân hóa giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Nhận định Đúng.

Cũng giống nguồn gốc ra đời của nhà nước thì nguồn gốc ra đời của pháp luật từ tư hữu và phân chia giai cấp.

### Nhận định 1.42

Pháp luật tồn tại song hành với sự tồn tại của nhà nước.

Nhận định Đúng.

Bởi vì: Pháp luật là công cụ quản lý xã hội của nhà nước và chỉ có nhà nước mới có thẩm quyền ban hành pháp luật.

### Nhận định 1.43

Chỉ pháp luật mới mang tính quy phạm.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Không chỉ pháp luật mà tôn giáo, đạo đức,… cũng có quy phạm. Các quy phạm này được gọi là các quy phạm tôn giáo, quy phạm đạo đức,…

### Nhận định 1.44

Ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác thể hiện tính cưỡng chế nhà nước của pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Tính cưỡng chế của pháp luật thể hiện qua quyền lực nhà nước bằng các tổ chức trấn áp công an, quân đội, nhà tù

### Nhận định 1.45

Chỉ pháp luật mới mang tính cưỡng chế.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Pháp luật có tính cưỡng chế mang bản chất quyền lực chính trị.

### Nhận định 1.46

Chỉ pháp luật mới mang tính cưỡng chế nhà nước.

Nhận định Đúng.

Pháp luật do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

### Nhận định 1.47

Tập quán pháp là những tập quán thông thường của người dân trong cuộc sống hàng ngày.

Nhận định Sai.

Bởi vì:

Tập quán pháp là những tập quán thông thường của người dân trong cuộc sống hàng ngày được nhà nước thừa nhận và áp dụng.

### Nhận định 1.48

Tập quán pháp không được thừa nhận tại Việt Nam.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Bộ luật dân sự 2015 quy định về Tập quán thì “Tập quán là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng để xác định quyền, nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân trong quan hệ dân sự cụ thể, được hình thành và lặp đi lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài, được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong một vùng, miền, dân tộc, cộng đồng dân cư hoặc trong một lĩnh vực dân sự.

Trường hợp các bên không có thỏa thuận và pháp luật không quy định thì có thể áp dụng tập quán nhưng tập quán áp dụng không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này”.

### Nhận định 1.49

Tiền lệ pháp không được thừa nhận tại Việt Nam.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định “Án lệ được Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong giải quyết vụ việc dân sự khi đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố.”

### Nhận định 1.50

Văn bản quy phạm pháp luật là hình thức pháp luật duy nhất được thừa nhận tại Việt Nam.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Pháp luật Việt Nam thừa nhận tập quán pháp, tiền lệ pháp và văn bản quy phạm pháp luật.

### Nhận định 1.51

Mọi quy tắc xử sự tồn tại trong xã hội có nhà nước là quy phạm pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Chỉ có quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước mới được coi là quy phạm pháp luật.

### Nhận định 1.52

Nhà nước ban hành pháp luật để điều chỉnh mọi quy tắc ứng xử của người dân trong cuộc sống hằng ngày.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Nhà nước chỉ điều chỉnh các quan hệ xã hội phổ biến.

### Nhận định 1.53

Một quy phạm pháp luật bắt buộc phải có ba bộ phận là giả định, quy định, chế tài.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Có những quy phạm pháp luật chỉ có giả định và chế tài hoặc giả định và quy định.

### Nhận định 1.54

Văn bản do cơ quan nhà nước ban hành là văn bản pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự thủ tục luật định mới gọi là VBQPPL

### Nhận định 1.55

Văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Văn bản quy phạm pháp luật (legislative documents) là văn bản do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thủ tục, trình tự, hình thức luật định, trong đó có chứa các quy tắc xử sự chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

### Nhận định 1.56

Văn bản chứa đựng quy tắc xử sự chung cho mọi người là văn bản quy phạm pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Văn bản quy phạm pháp luật (legislative documents) là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thủ tục, trình tự, hình thức luật định, trong đó có chứa các quy tắc xử sự chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

### Nhận định 1.57

Mọi cơ quan nhà nước đều có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Chỉ có cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

### Nhận định 1.58

Chỉ có các cơ quan nhà nước mới có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Chỉ có cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

### Nhận định 1.59

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm Hiến pháp và các văn bản dưới luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm văn bản quy phạm pháp luật có giá trị luật và văn bản quy phạm pháp luật có giá trị dưới luật (văn bản luật và văn bản dưới luật).

### Nhận định 1.60

Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Ngoài Quốc hội còn có Chính phủ, VKSNDTC, TANDTC….

### Nhận định 1.61

Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản luật.

Nhận định Đúng.

Bởi vì Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật có giá trị luật: Hiến pháp, Bộ luật, Luật, Nghị quyết của Quốc hội.

### Nhận định 1.62

Văn bản dưới luật là những văn bản pháp luật do Quốc hội và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền ban hành.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Văn bản dưới luật và những văn bản pháp luật do các cơ quan nhà nước không phải là Quốc hội có thẩm quyền ban hành. Ví dụ: Nghị định do Chính phủ ban hành.

### Nhận định 1.63

Văn bản dưới luật có giá trị pháp lý thấp hơn văn bản luật.

Nhận định Đúng.

Vì các văn bản dưới luật phải tuân thủ quy định của văn bản luật, không được quy định trái với văn bản luật.

### Nhận định 1.64

Các văn bản dưới luật có giá trị pháp lý tương đương nhau.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Thông tư của Bộ trưởng có giá trị pháp lý thấp hơn Nghị định của Chính phủ. Nếu Thông tư trái với Nghị định thì phải sửa đổi hoặc bị hủy bỏ.

### Nhận định 1.65

Việc ban hành Luật Thủ Đô thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Chỉ có Quốc hội mới có thẩm quyền ban hành Luật.

### Nhận định 1.66

Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ là những văn bản luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Văn bản luật chỉ bao gồm Hiến pháp, Luật, nghị quyết của Quốc hội.

### Nhận định 1.67

Văn bản luật là văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật do các cơ quan, tổ chức cá nhân có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo ý chí của nhà nước.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Văn bản luật là văn bản do Quốc hội ban hành.

### Nhận định 1.68

Chính phủ là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật là Nghị định.

Nhận định Đúng.

Nghị định là văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành.

### Nhận định 1.69

Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật là Nghị quyết.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân cũng có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật là Nghị Quyết.

### Nhận định 1.70

Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản luật là Nghị quyết.

Nhận định Đúng.

Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành Nghị quyết – văn bản luật.

### Nhận định 1.71

Nghị quyết do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành là văn bản luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp là văn bản dưới luật.

### Nhận định 1.72

Các quan hệ nảy sinh trong cuộc sống hằng ngày là quan hệ pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Chỉ có những quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh mới trở thành quan hệ pháp luật

### Nhận định 1.73

Mọi quan hệ nảy sinh trong cuộc sống hằng ngày đều chịu sự chi phối của pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: có những quan hệ xã hội do đạo đức, tôn giáo điều chỉnh. Chỉ có quan hệ pháp luật mới chịu sự chi phối của pháp luật.

### Nhận định 1.74

Chỉ quan hệ pháp luật mới mang tính ý chí của chủ thể tham gia.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Các quan hệ xã hội đều mang tính ý chí của chủ thể tham gia.

### Nhận định 1.75

Nếu không có quy phạm pháp luật điều chỉnh thì không có quan hệ pháp luật.

Nhận định Đúng.

Vì quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội do quy phạm pháp luật điều chỉnh.

## 2. Phần Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

### Nhận định 2.01

Năng lực chủ thể của các cá nhân khi tham gia vào một quan hệ pháp luật là giống nhau.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Vì năng lực chủ thể gồm năng lực pháp luật (giống nhau) và năng lực hành vi (tùy theo độ tuổi pháp luật quy định)

### Nhận định 2.02

Năng lực pháp luật của các cá nhân khác nhau là không giống nhau.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Vì năng lực pháp luật là khả năng các nhân có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

### Nhận định 2.03

Năng lực hành vi của các cá nhân khác nhau là không giống nhau tùy thuộc vào độ tuổi của họ.

Nhận định Đúng.

Tùy thuộc vào độ tuổi, cá nhân sẽ có năng lực hành vi khác nhau.

### Nhận định 2.04

Năng lực hành vi có từ khi cá nhân được sinh ra và chỉ mất đi khi họ đã chết.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Năng lực pháp luật có từ khi cá nhân được sinh ra và chỉ mất đi khi họ đã chết.

### Nhận định 2.05

Năng lực hành vi của cá nhân có từ khi cá nhân đủ 18 tuổi.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Cá nhân từ 6 – 18 tuổi có năng lực hành vi một phần.

### Nhận định 2.06

Người từ đủ 18 tuổi trở lên mới có năng lực pháp luật đầy đủ.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Năng lực pháp luật là khả năng các nhân có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, xuất hiện khi cá nhân sinh ra và mất đi khi cá nhân chết.

### Nhận định 2.07

Người từ đủ 18 tuổi trở lên là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Người từ đủ 18 tuổi trở lên và không bị tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; hạn chế năng lực hành vi dân sự thì mới có năng lực hành vi đầy đủ.

### Nhận định 2.08

Người dưới 18 tuổi là người có năng lực hành vi dân sự hạn chế.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Người dưới 6 tuổi là không có năng lực hành vi dân sự; từ đủ 6 tuổi đến 18 tuổi là có năng lực hành vi dân sự một phần.

### Nhận định 2.09

Người dưới 18 tuổi là người có năng lực hành vi dân sự một phần.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Người từ đủ 6 tuổi đến 18 tuổi là có năng lực hành vi dân sự một phần. Còn người dưới 6 tuổi không có năng lực hành vi dân sự.

### Nhận định 2.10

Người bị khiếm thính, khiếm thị là người hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Điều 24, Bộ luật dân sự 2015 quy định “Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Tòa án quyết định người đại diện theo pháp luật của người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và phạm vi đại diện.”

### Nhận định 2.11

Người uống rượu bia say là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Điều 24, Bộ luật dân sự 2015 quy định “Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Tòa án quyết định người đại diện theo pháp luật của người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và phạm vi đại diện.”

### Nhận định 2.12

Người từ đủ 18 tuổi trở lên bị bệnh tâm thần là người không có năng lực hành vi dân sự.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Người dưới 6 tuổi là người không có năng lực hành vi dân sự.

### Nhận định 2.13

Tư cách pháp nhân là tư cách con người theo quy định pháp luật của mọi tổ chức được thành lập trên lãnh thổ Việt Nam.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Chỉ có tổ chức đủ 4 điều kiện theo quy định tại Điều 74, Bộ luật dân sự 2015 mới có tư cách pháp nhân. Theo đó: Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:

* Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan;
* Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật này;
* Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;
* Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

### Nhận định 2.14

Tổ chức được thành lập hợp pháp là tổ chức có tư cách pháp nhân.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Chỉ có tổ chức đủ 4 điều kiện theo quy định tại Điều 74, Bộ luật dân sự 2015 mới có tư cách pháp nhân. Theo đó: Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:

* Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan;
* Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật này;
* Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;
* Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Trường hợp tổ chức thành lập hợp pháp nhưng không đáp ứng được 1 trong các điều kiện trên thì không phải là pháp nhân.

### Nhận định 2.15

Chỉ tổ chức có tư cách pháp nhân mới được tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Nhận định Sai.

Bởi vì: các tổ chức khác cũng được tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập (Doanh nghiệp tư nhân, Hộ gia đình, tổ hợp tác…)

### Nhận định 2.16

Khi tham gia quan hệ pháp luật, Nhà nước bình đẳng với các chủ thể khác về quyền và nghĩa vụ.

Nhận định Sai.

Bởi vì: trong quan hệ pháp luật hình sự, hành chính, nhà nước là một bên sử dụng quyền lực nhà nước để quản lý xã hội bằng phương pháp quyền uy phục tùng.

### Nhận định 2.17

Trong tất cả các quan hệ pháp luật mà Nhà nước tham gia, Nhà nước có địa vị pháp lý bình đẳng với các chủ thể khác.

Nhận định Sai.

Bởi vì: trong quan hệ pháp luật hình sự, hành chính, nhà nước là một bên sử dụng quyền lực nhà nước để quản lý xã hội bằng phương pháp quyền uy phục tùng.

### Nhận định 2.18

Trong quan hệ pháp luật dân sự, Nhà nước và các chủ thể khác bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ pháp lý.

Nhận định Đúng.

Theo quy định tại Điều 97, Bộ luật dân sự 2015 thì: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan nhà nước ở Trung ương, ở địa phương trong quan hệ dân sự Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan nhà nước ở Trung ương, ở địa phương khi tham gia quan hệ dân sự thì bình đẳng với các chủ thể khác và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định tại Điều 99 và Điều 100 của Bộ luật này.”

### Nhận định 2.19

Ở nước ta, sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ hôn nhân là sự kiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức lễ cưới tại gia đình.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ hôn nhân là sự kiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc tổ chức lễ cưới tại gia đình không làm phát sinh quan hệ hôn nhân.

### Nhận định 2.20

Ở nước ta, sự kiện pháp lý làm chấm dứt quan hệ hôn nhân là sự kiện Tòa án ra bản án, quyết định chấp nhận cho hai bên ly hôn.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Bản án, quyết định phải có hiệu lực pháp luật (bản án sơ thẩm thì phải chờ 15 ngày để kháng cáo, kháng nghị). Theo đó, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

### Nhận định 2.21

Anh A đốt nến, lửa bắt vào rèm cửa gây cháy nhà anh A và một số nhà hàng xóm là sự biến pháp lý.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Sự biến pháp lý là hiện tượng xảy ra không phụ thuộc vào ý chí của con người.

### Nhận định 2.22

Hỏa hoạn, lũ lụt là sự biến pháp lý.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Nếu hỏa hoạn, lũ lụt là sự việc do con người gây ra thì không phải là sự biến pháp lý. Ví dụ: Chủ thể gây ra cháy rừng là con người, chỉ khi việc cháy rừng không do con người gây ra thì mới là sự biến pháp lý.

### Nhận định 2.23

Mưa, gió, sấm, chớp là sự biến pháp lý.

Nhận định Đúng.

Vì sự biến pháp lý là hiện tượng xảy ra không phụ thuộc vào ý chí của con người.

### Nhận định 2.24

Cháy rừng là sự biến pháp lý.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Nếu cháy rừng do con người tạo ra thì không phải là sự biến pháp lý.

### Nhận định 2.25

Hành vi trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Hành vi vi phạm pháp luật phải có đủ các điều kiện: Vi phạm pháp luật là hành vi (hành động hoặc không hành động) trái pháp luật và có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được nhà nước xác lập và bảo vệ. Trường hợp hành vi trái pháp luật nhưng không có lỗi của chủ thể thì không phải là hành vi vi phạm pháp luật.

### Nhận định 2.26

Hành vi vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật.

Nhận định Đúng.

Vi phạm pháp luật là hành vi (hành động hoặc không hành động) trái pháp luật và có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được nhà nước xác lập và bảo vệ.

### Nhận định 2.27

Thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật gây ra phải là thiệt hại về vật chất.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật gây ra phải là thiệt hại về vật chất và tinh thần

### Nhận định 2.28

Hành vi trái với đạo đức, chuẩn mực thông thường trong xã hội là hành vi vi phạm pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Vi phạm pháp luật là hành vi (hành động hoặc không hành động) trái pháp luật và có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được nhà nước xác lập và bảo vệ.

### Nhận định 2.29

Chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý mà thực hiện hành vi trái pháp luật thì vi phạm pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Vi phạm pháp luật là hành vi (hành động hoặc không hành động) trái pháp luật và có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được nhà nước xác lập và bảo vệ.

### Nhận định 2.30

Cấu thành của vi phạm pháp luật bao gồm mặt chủ thể, mặt chủ quan, chủ thể và khách thể của vi phạm pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Cấu thành vi phạm pháp luật gồm: chủ thể, mặt chủ quan, khách thể.

## 3. Phần nhận định về Pháp luật hình sự

### Nhận định 3.01

Không biết trước hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội thì không được coi là có lỗi.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Không thấy trước hành vi có thể gây ra hậu quả mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước (Lỗi vô ý vì cẩu thả)

### Nhận định 3.02

A đánh B gây thương tích thì khách thể bị xâm hại là B.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Khách thể bị xâm phạm là sức khỏe của B.

### Nhận định 3.03

A có hành vi trộm cắp máy laptop của B thì khách thể bị xâm hại là cái máy laptop.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Khách thể bị xâm hại là tài sản (laptop là đối tượng bị xâm hại).

### Nhận định 3.04

C (tâm thần) dùng gậy đánh nhiều nhát vào người D là hành vi vi phạm pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Vì C không có năng lực trách nhiệm hình sự (bị mất năng lực hành vi) nên hành vi của C không là hành vi vi phạm pháp luật.

### Nhận định 3.05

N (13 tuổi) có hành vi trộm cắp tài sản (trị giá 250 triệu đồng) của gia đình ông P là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Nhận định Sai.

Bởi vì: N không thỏa điều kiện về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

### Nhận định 3.06

M (15 tuổi) có hành vi trộm cắp tài sản (trị giá 50 triệu đồng) của gia đình ông Q là hành vi vi phạm pháp luật.

Nhận định Đúng.

Vì hành vi của M đã cấu thành tội phạm hình sự thỏa điều kiện về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và giá trị tài sản bị trộm cắp.

### Nhận định 3.07

M (15 tuổi) có hành vi trộm cắp tài sản (trị giá 50 triệu đồng) của gia đình ông Q là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Nhận định Đúng.

Bởi vì M thỏa mãn điều kiện về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và giá trị tài sản bị trộm cắp.

### Nhận định 3.08

Hành vi trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 quy định về tội Trộm cắp tài sản thì: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

### Nhận định 3.09

Hậu quả là yếu tố bắt buộc phải có đối với các hành vi vi phạm pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: đối với tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức thì không cần hậu quả.

### Nhận định 3.10

A (15 tuổi) đánh B gây tổn hại 5% sức khỏe của B là hành vi vi phạm pháp luật.

Nhận định Đúng.

Gợi ý đáp án: Xem xét vi phạm pháp luật hành chính.

### Nhận định 3.11

A (13 tuổi) đánh B gây tổn hại Nhận định 50% sức khỏe của B là hành vi vi phạm pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: A không có năng lực trách nhiệm pháp lý (độ tuổi chưa đáp ứng điều kiện)

### Nhận định 3.12

A (18 tuổi) đánh B gây tổn hại

Nhận định 5% sức khỏe của B là hành vi vi phạm pháp luật.

Nhận định Đúng. có thể bị xem xét hành vi vi phạm pháp luật hành chính.

### Nhận định 3.13

A (18 tuổi) đánh B gây tổn hại 5% sức khỏe của B là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Căn cứ theo quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 quy định về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì: “Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do đó cần phải đáp ứng thêm 1 số điều kiện nhất định thì hành vi gây tổn hại 5% sức khỏe của người khác (dưới 11%) mới vi phạm pháp luật hình sự.

### Nhận định 3.14

Hành vi cố ý đánh người gây thương tích là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Căn cứ theo quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 quy định về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì: “Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Theo đó, người cố ý đánh người khác gây thương tích nhưng thương tích không đáng kể không đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự thì hành vi trên không vi phạm pháp luật hình sự.

### Nhận định 3.15

Mỗi hành vi vi phạm pháp luật chỉ phải chịu một loại trách nhiệm pháp lý.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Trong một số trường hợp, một hành vi vi phạm pháp luật phải chịu 02 trách nhiệm là trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự. Ví dụ, A trộm cắp 01 chiếc xe mô tô trị giá 20 triệu đồng của B nhưng A đã bán xe mô tô trộm cắp được và tiêu xài hết. Do đó, ngoài việc phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp tài sản thì A còn phải chịu trách nhiệm dân sự, bồi thường giá trị xe mô tô bị trộm cắp cho bị hại B.

### Nhận định 3.16

Trách nhiệm hình sự là loại trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất.

Nhận định Đúng.

Bởi vì hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước. Do đó, trách nhiệm hình sự là loại trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất.

### Nhận định 3.17

Một hành vi vi phạm pháp luật có thể phải chịu đồng thời nhiều loại trách nhiệm pháp lý khác nhau.

Nhận định Đúng.

Bởi vì: Trong một số trường hợp, một hành vi vi phạm pháp luật phải chịu 02 trách nhiệm là trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự. Ví dụ, A trộm cắp 01 chiếc xe mô tô trị giá 20 triệu đồng của B nhưng A đã bán xe mô tô trộm cắp được và tiêu xài hết. Do đó, ngoài việc phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp tài sản thì A còn phải chịu trách nhiệm dân sự, bồi thường giá trị xe mô tô bị trộm cắp cho bị hại B.

### Nhận định 3.18

Một hành vi vi phạm pháp luật có thể phải chịu đồng thời trách nhiệm pháp lý hình sự và hành chính.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Nếu hành vi vi phạm pháp luật không đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính. Ví dụ: Nguyễn Văn A tham gia đánh bạc nhưng số tiền A sử dụng để đánh bạc dưới 5.000.000 đồng nên hành vi của A không đủ định lượng cấu thành tội phạm. Do đó, A chỉ bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

Ngược lại, nếu hành vi đã cấu thành tội phạm thì người thực hiện hành vi không bị xử phạt vi phạm hành chính nữa (một hành vi không bị xử lý 02 lần).

### Nhận định 3.19

Một hành vi vi phạm pháp luật có thể phải chịu đồng thời trách nhiệm pháp lý hình sự và dân sự.

Nhận định Đúng.

### Nhận định 3.20

Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Chỉ trường hợp chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thì mới phải chịu trách nhiệm pháp lý.

### Nhận định 3.21

Toà án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Tòa án là cơ quan thực hiện quyền xét xử.

### Nhận định 3.22

Hiến pháp là văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý tối cao trên lãnh thổ mỗi quốc gia.

Nhận định Đúng.

Bởi vì: Hiến pháp là đạo luật gốc, đạo luật cơ bản của một nhà nước.

## 4. Phần nhận định về Pháp luật hành chính

### Nhận định 4.01

Người làm việc trong cơ quan nhà nước là cán bộ, công chức nhà nước.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Ngoài cán bộ, công chức thì người làm việc trong cơ quan nhà nước còn có cả người lao động.

### Nhận định 4.02

Nếu xác định một hành vi vi phạm pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật hành chính thì không được áp dụng hình phạt đối với người vi phạm.

Nhận định Đúng.

Hình phạt chỉ áp dụng với người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

## 5. Phần nhận định về Pháp luật dân sự

### Nhận định 5.01

Chỉ chủ sở hữu tài sản mới có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản.

Nhận định Sai.

Bởi vì:

Những người được chủ sở hữu giao quyền/ủy quyền/chuyển nhượng quyền cũng được quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản.

### Nhận định 5.02

Chỉ có cha, mẹ đẻ, con đẻ của người để lại di sản mới được hưởng thừa kế của người đó theo quy định của pháp luật.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Con nuôi, cha mẹ nuôi cũng thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

### Nhận định 5.03

Con được hưởng thừa kế của cha mẹ phải là con của người vợ, người chồng hợp pháp.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Con đẻ ở hàng thừa kế thứ nhất, không phân biệt con trong giá thú hay ngoài giá thú, không phân biệt là con ruột hay con nuôi.

### Nhận định 5.04

Cha, mẹ không được hưởng thừa kế của con nếu đã cho con làm con nuôi của người khác.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Theo di chúc thì được hưởng theo ý chí của con. Theo pháp luật thì cha mẹ đẻ là người thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất. Việc cho con đi làm con nuôi không đồng thời tước bỏ quyền được hưởng thừa kế của cha mẹ ruột đối với di sản của con nuôi.

### Nhận định 5.05

Đứa trẻ đã được người khác nhận làm con nuôi theo đúng quy định của pháp luật thì không được hưởng thừa kế từ di sản do cha mẹ đẻ của mình để lại.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Trường hợp đứa trẻ được cha mẹ ruột để lại tài sản theo di chúc thì vẫn được hưởng theo ý chí của cha mẹ đẻ. Kể cả trường hợp theo pháp luật thì con đẻ là người thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất.

### Nhận định 5.06

Người thừa kế chỉ có thể là cá nhân.

Nhận định Sai.

Bởi vì:

Người thừa kế theo di chúc có thể là bất kỳ cá nhân, tổ chức nào theo ý chí của người để lại thừa kế.

### Nhận định 5.07

Thời hiệu khởi kiện về thừa kế là 10 năm kể từ thời điểm người để lại di sản chết.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Tùy trường hợp mà thời hiệu khởi kiện về thừa kế có thể đến 10 năm.

### Nhận định 5.08

Người có tài sản không được lập di chúc để lại tài sản của mình cho người không có mối quan hệ huyết thống hoặc quan hệ hôn nhân.

Nhận định Sai.

Bởi vì:

Người thừa kế theo di chúc có thể là bất kỳ cá nhân, tổ chức nào theo ý chí của người để lại thừa kế. Người không có mối quan hệ huyết thống hoặc quan hệ hôn nhân chỉ không được nhận di sản thừa kế theo pháp luật.Tuy nhiên, người không mối quan hệ huyết thống hoặc quan hệ hôn nhân (như quan hệ nuôi con nuôi) thì vẫn được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật.

### Nhận định 5.09

Ông A bị tai nạn giao thông ngày 01/4/2017. Ngày 02/5/2017, ông A có di chúc miệng hợp pháp để lại toàn bộ tài sản cho bà B. Ngày 05/8/2017 ông A chết. Trong trường hợp này, di sản của ông A được chia theo di chúc miệng ngày 02/5/2017.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Sau 03 tháng di chúc miệng người để lại di chúc còn sống, minh mẫn, sáng suốt thì di chúc miệng mặc nhiên bị hủy bỏ. Di sản thừa kế trong trường hợp này sẽ chia theo Di chúc bằng văn bản (nếu có) hoặc chia theo pháp luật (nếu không có di chúc).

## 6. Phần nhận định về Hôn nhân gia đình

### Nhận định 6.01

Độ tuổi để được kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình 2014 là nam, nữ phải từ 18 tuổi trở lên.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Độ tuổi để được kết hôn của nữ là từ đủ 18, còn đối với nam là từ đủ 20 tuổi trở lên.

### Nhận định 6.02

Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam cấm kết hôn giữa những người đồng giới.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 không thừa nhận hôn nhân giữa những người đồng giới chứ không cấm kết hôn giữa những người đồng giới.

### Nhận định 6.03

Tất cả các tài sản có được trong quá trình hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Những tài sản được xác định là tài sản riêng và các tài sản mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản riêng thì là tài sản riêng của một bên vợ hoặc chồng.

### Nhận định 6.04

Nếu người vợ mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì chồng không được quyền yêu cầu ly hôn.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì: Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Theo đó, trường hợp vợ đang nuôi con từ đủ 12 tháng tuổi đến dưới 36 tháng tuổi vẫn có quyền yêu cầu ly hôn.

### Nhận định 6.05

Khi vợ chồng ly hôn, việc giao nuôi dưỡng con chung sẽ được thực hiện theo nguyên tắc: con dưới 36 tháng tuổi sẽ được giao cho mẹ nuôi dưỡng, con trên 7 tuổi trở lên phải theo ý nguyện của con.

Nhận định Sai.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì: Khi ly hôn, vợ, chồng tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

Do đó, ý nguyện của con chỉ là một căn cứ để Tòa án xem xét quyết định giao con cho vợ hoặc chồng.

### Nhận định 6.06

Con được sinh ra sau khi hai vợ chồng đã ly hôn thì không được coi là con chung của vợ chồng.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì: “Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân”.

### Nhận định 6.07

Con được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân mặc nhiên được thừa nhận là con chung của vợ chồng.

Nhận định Sai.

Bởi vì: Trong trường hợp cha mẹ không thừa nhận con thì theo xác định của Tòa án. Hoặc trường hợp mang thai hộ thì con được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của người mẹ là người nhận mang thai hộ thì không phải là con chung của vợ chồng người nhận mang thai hộ mà là con của vợ chồng – người nhờ mang thai hộ.